

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 19-5-2017
V/v “tranh chấp Hôn nhân và
Gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần

Bà Thái Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Mạnh là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An: Ông Nguyễn Văn Hòa - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 18, 19 tháng 5 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2017/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2017 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2016/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2017/QĐPT-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1984. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Bình Thái, xã nghĩa Bình, huyện N, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở hiện nay: Xóm 19+20, xã Nghi Văn, huyện Ng, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Thái Sỹ Oai là Luật sư của Văn phòng Luật sư Nghệ Tĩnh, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Xóm Bình Thái, xã Nghĩa Bình, huyện N, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn: Bà Nông Thị Ngọc là Luật sư của Văn phòng Luật sư Tuổi trẻ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Anh Trần Đình T – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Nghĩa Bình, huyện N, tỉnh Nghệ An vào ngày 03/3/2015. Quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được một thời gian thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Chị và anh T bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi dẫn đến việc chị bỏ nhà đi 05 ngày. Mâu thuẫn giữa chị và anh T không thể giải quyết, chị H cho rằng mình bị chèn ép, cô lập và bị xúc phạm, bắt lao động quần quật, quá sức của người phụ nữ. Do không chịu đựng được nên chị nổi nóng và thiếu kiềm chế với chồng và gia đình chồng, tuy nhiên chị cũng đã nhiều lần xin lỗi nhưng không được nhà chồng chấp nhận. Nay chị H thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh T. Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Trần Đình Huy, sinh ngày 10/12/2015. Nếu ly hôn, chị H đề nghị được nuôi cháu Huy và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ. Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Đình T trình bày:

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn đúng như chị H trình bày, hai người tự do tìm hiểu và đi đến kết hôn vào ngày 03/3/2015 tại UBND xã Nghĩa Bình, huyện N, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường cùng gia đình bố mẹ đẻ. Vì là người nông dân nên phải lao động còn chị H không chịu lao động và đòi vào chùa để đi tu, trước khi bỏ đi thì anh có giao là suy nghĩ cho kỹ vì đây là lần thứ 3 chị H bỏ nhà ra đi. Nếu đi mà quay về thì không ai chấp nhận nữa nhưng chị H vẫn bỏ nhà, bỏ con ra đi vào trong Nam để vào chùa nhưng không được thu nhận nên chị H quay về và thường xuyên chửi bới gia đình anh. Nay anh muốn đoàn tụ để nuôi dạy con cái và chăm sóc gia đình nhưng chị H cứ nhất quyết muốn ly hôn thì anh cũng đồng ý. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Đình Huy, sinh ngày 10/12 /2015. Nếu ly hôn anh T muốn được nuôi cháu Huy và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án số 20/2016/HNGĐ-ST ngày 29/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 điều 51, điều 56, điều 58, điều 81, 82, 83, 84 và điều 110 Luật hôn nhân và gia đình, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H là cho chị H được ly hôn anh Trần Đình T.

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Đình Huy, sinh ngày 10/12/2015. Buộc anh Trần Đình T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị H mỗi tháng 500.000đ. Việc cấp dưỡng được thực hiện từ tháng 01 năm 2017 trở đi cho đến lúc con chung đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 11/01/2017, anh Trần Đình T làm đơn kháng cáo với nội dung: Bản án giao cho chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Trần Đình Huy là không đúng với quy định của pháp luật và không đảm bảo được điều kiện phát triển tốt nhất cho cháu. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết giao cháu Trần Đình Huy cho anh được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, anh Trần Đình T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn đề nghị Tòa án bác đơn kháng cáo của anh Trần Đình T; Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn đề nghị sửa án sơ thẩm giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo nội dung này. Mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm, giai đoạn đầu của phần tranh tụng tại phiên tòa, chị Trần Thị H có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ nhưng anh Trần Đình T không chấp nhận. Trước khi kết thúc phần tranh tụng, anh Trần Đình T có nguyện vọng tạm ngừng phiên tòa để vợ chồng trao đổi trở về đoàn tụ để cùng chăm sóc con nhưng chị Trần Thị H lại không chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của anh Trần Đình T về việc nuôi con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Đình Huy, sinh ngày 10/12/2015. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, cháu Trần Đình Huy chưa đủ 36 tháng tuổi, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình để giao con chung cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến điều kiện của người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà đã quyết định giao cho chị H nuôi con là chưa đầy đủ toàn diện, ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của con. Các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ cũng như lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thể hiện: Từ khi kết hôn với anh T về làm dâu chung sống với gia đình anh T đến nay, mặc dù không bị ai đánh đập, xua đuổi nhưng chị H đã nhiều lần bỏ nhà đi. Lúc cháu Trần Đình Huy được hơn 7 tháng tuổi, đang cần được chăm sóc bằng nguồn sữa mẹ thì chị H đã bỏ nhà ra đi, để mặc cho anh T cùng gia đình anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Hơn nữa, chị H không có việc làm và thu nhập ổn định; Hiện tại chị H đang ở chung với bố mẹ đẻ tại xã Nghi Văn, huyện Ng, tỉnh Nghệ An. Chị H trình bày thu nhập của chị từ nghề bán bánh mướt tại chợ Bộng, huyện Yên Thành được khoảng 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Tại biên bản xác minh ngày 03/4/2017 do người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T cung cấp thể hiện ở Chợ Bộng, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An không có ai tên là H làm nghề bán bánh mướt. Như vậy, không thể bảo đảm để trang trải cho cuộc sống của mình cũng như đảm bảo điều kiện tối thiểu để nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Xét về điều kiện nuôi con thì anh T có nơi ở, việc làm và thu nhập ổn định. Anh T từ lúc sinh ra đến nay ở tại nhà bố mẹ đẻ của mình, hiện tại bố mẹ đẻ anh T đã lập di chúc để lại tài sản thừa kế cho anh; Về thu nhập anh T ổn định, anh là cán bộ Thú y, ngoài ra còn có nhiều nguồn thu nhập hợp pháp khác như đã cung cấp tại hồ sơ giai đoạn sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Như vậy, anh T đảm bảo được các điều kiện để chăm sóc con về mọi mặt.

Mặt khác, từ lúc cháu Huy hơn 7 tháng tuổi đến nay anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc mặc dù thiếu nguồn sữa mẹ, thiếu tình cảm của người mẹ nhưng anh T vẫn chăm sóc con phát triển bình thường về mọi mặt, không bị suy dinh dưỡng. Điều này minh chứng bằng kết luận tại giấy khám sức khỏe của cơ sở Y tế ngày 10/3/2017. Do đó, để ổn định, cuộc sống sinh hoạt không bị xáo trộn về tâm sinh lý của con, nay tiếp tục giao cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của anh Trần Đình T, sửa bản án sơ thẩm về phần nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H do anh T không yêu cầu.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Anh Trần Đình T không phải chịu án phí phúc thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 và điều 110 Luật hôn nhân và gia đình; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Sửa án sơ thẩm:

1. Về con chung: Giao con chung là Trần Đình Huy, sinh ngày 10/12/2015 cho anh Trần Đình T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Trần Thị H. Chị Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Trần Đình T không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con, không phải chịu án phí phúc thẩm. Anh Trần Đình T được nhận lại số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0004363 ngày 12/01/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện N.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày kết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện N;
- Chi Cục THADS huyện N.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Sơn